



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

Phụ lục 01

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ NĂM 2023

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh			
		NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & TTCSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
		Bàn phỏng vấn 1 - Từ 13h00 buổi chiều ngày 20/01/2024										
1	CSTT6001	Phan Quý Minh	Anh		04-10-1996	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	34/60	21/30	Đạt		
2	CSTT6002	Lê Thị Ngọc	Ánh		25-10-1996	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	39/60	26/30	Đạt		
3	CSTT6003	Huỳnh Thị Bảo	Châu		01-11-2000	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	39/60	22/30	Đạt		
4	CSTT6005	Nguyễn Thị Minh	Lý		20-01-1983	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	40/60	24/30	Đạt		
5	CSTT6006	Nguyễn Thanh	Mai		11-09-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	44/60	Miễn	Đạt	Con thương bình	
6	CSTT6008	Phan Ngọc Thành	Nhân	23-02-1986		CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	35/60	Miễn	Đạt		
7	CSTT6009	Trần Thị Chiêu	Oanh		27-06-2001	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	30/60	19/30	Đạt		
8	CSTT6010	Dương Huỳnh Anh	Thu		26-05-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	40/60	28/30	Đạt		
9	TTGS6001	Huỳnh Thị Thủy	Cầm		14-06-1995	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	42/60	24/30	Đạt		
		Bàn phỏng vấn 1 - Từ 15h00 buổi chiều ngày 20/01/2024										
10	TTGS6002	Nguyễn Thị Thu	Hà		20-04-1993	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	41/60	19/30	Đạt		
11	TTGS6004	Nguyễn Lương Diệu	Hằng		21-08-2001	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	47/60	21/30	Đạt		
12	TTGS6006	Nguyễn Xuân	Hoài	22-06-1996		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	33/60	17/30	Đạt		
13	TTGS6009	Đinh Việt	Khải	31-01-2000		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	32/60	19/30	Đạt		
14	TTGS6012	Hoàng Thị Tường	Linh		11-04-1986	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	33/60	Miễn	Đạt		
15	TTGS6017	Nguyễn Mậu Hạnh	Nguyễn		04-11-1988	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	35/60	20/30	Đạt		
16	TTGS6020	Đỗ Thị Phương	Thảo		02-06-1990	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	42/60	15/30	Đạt		
17	TTGS6028	Hà Lê Thanh	Trưởng	04-12-1997		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	34/60	17/30	Đạt		
18	TTGS6029	Phan Viết	Vấn	18-08-1987		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	34/60	21/30	Đạt		
19	TTGS6031	Nguyễn Thị Tường	Vi		27-09-1986	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	46/60	20/30	Đạt		

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh			
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
20	CSTT6007	Phạm Thị	Ngoan		11-03-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	28/60	13/30	Không đạt		
21	TTGS6003	Võ Minh	Hải	06-12-2000		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	33/60	13/30	Không đạt		
22	TTGS6005	Mã Thị Thu	Hiền		09-03-1987	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	31/60	13/30	Không đạt		
23	TTGS6018	Nguyễn Thị Hoa	Sen		30-01-1995	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	37/60	12/30	Không đạt		
24	TTGS6022	Nguyễn Thị Bích	Thúy		02-02-2001	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	33/60	11/30	Không đạt		
25	TTGS6030	Phạm Thị Tường	Vy		21-02-2000	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng	33/60	14/30	Không đạt		
26	CSTT6004	Lê Thị	Hoa		20-04-1994	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng			Vắng		
27	CSTT6011	Phan Minh	Trí	29-10-2000		CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng			Vắng		
28	TTGS6007	Phạm Đình	Hưng	01-05-1990		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
29	TTGS6008	Phạm Thị Ngọc	Huyền		13-05-1994	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
30	TTGS6010	Lê Thị Hồng	Khánh		07-02-1995	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
31	TTGS6011	Đoàn Thị Mỹ	Linh		18-02-2001	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
32	TTGS6013	Nguyễn Thị Cẩm	Linh		10-10-1989	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
33	TTGS6014	Nguyễn Thị Thiên	Minh		19-05-1998	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
34	TTGS6015	Nguyễn Thị	Mỹ		10-11-1990	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
35	TTGS6016	Đỗ Thị Bích	Ngọc		12-02-1998	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
36	TTGS6019	Hà Đức	Tân	03-06-1991		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
37	TTGS6021	Huỳnh Thị Kim	Thu		12-09-1993	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
38	TTGS6023	Trần Thị Kim	Trâm		29-03-1995	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
39	TTGS6024	Lê Thị Quỳnh	Trang		20-11-1996	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
40	TTGS6025	Huỳnh Thị	Trúc		06-01-1994	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
41	TTGS6026	Trương Ái	Trúc		27-10-1998	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
42	TTGS6027	Nguyễn Văn	Trung	10-10-1995		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng			Vắng		
		NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
		Bàn phỏng vấn 1 - Từ 13h00 buổi chiều ngày 20/01/2024										
1	TTGS6034	Trần Hồ Hương	Giang		30-10-1987	CV TTGSNH	CN Quảng Bình	45/60	18/30	Đạt		
2	TTGS6039	Trần Thị Huyền	Trang		17-03-1995	CV TTGSNH	CN Quảng Bình	47/60	24/30	Đạt		
3	TTGS6040	Lê Thị Thanh	Tâm		20-10-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Bình	42/60	19/30	Đạt		
4	TTGS6041	Phan Văn	Tuấn	16-05-1993		CV TTGSNH	CN Quảng Bình	44/60	22/30	Đạt		
5	TTGS6043	Lương Trần Cẩm	Thư		03-06-1999	CV TTGSNH	CN Quảng Bình	44/60	27/30	Đạt		
6	TTGS6044	Nguyễn Thị Hải	Yến		02-07-1993	CV TTGSNH	CN Quảng Bình	38/60	27/30	Đạt		

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh			
7	TTGS6032	Trần Thị Lan	Chi		06-07-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
8	TTGS6033	Trần Thị Kim	Chung		09-06-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
9	TTGS6035	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		28-07-2000	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
10	TTGS6036	Nguyễn Thị Thùy	Linh		16-08-1990	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
11	TTGS6037	Đoàn Văn	Minh	17-01-1997		CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
12	TTGS6038	Nguyễn Hạnh	Trang		28-04-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
13	TTGS6042	Phạm Thị Thu	Thủy		18-06-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Binh			Vắng		
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH QUẢNG NAM: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH												
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 13h00 buổi chiều ngày 20/01/2024												
1	TTGS6047	Nguyễn Quốc	Cường	14-02-2001		CV TTGSNH	CN Quảng Nam	46/60	17/30	Đạt		
2	TTGS6055	Võ Thị Li	Na		15-03-1988	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	44/60	17/30	Đạt		
3	TTGS6058	Lương Thị	Nơ		01-01-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	31/60	19/30	Đạt		
4	TTGS6061	Phan Thị Hồng	Thắm		29-11-1998	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	41/60	21/30	Đạt		
5	TTGS6062	Lê Hồ Ngọc	Thanh		17-02-1993	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	40/60	21/30	Đạt		
6	TTGS6066	Nguyễn Thị Thu	Vi		19-06-1986	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	42/60	19/30	Đạt	Con thương bình	
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2												
7	TTGS6050	Đỗ Thị Thúy	Kiều		18-04-1999	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	34/60	11/30	Không đạt		
8	TTGS6051	Đoàn Thị	Lai		07-10-1996	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	44/60	14/30	Không đạt		
9	TTGS6052	Trà Thị	Lan		26-04-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	29/60		Không đạt		
10	TTGS6063	Hoàng Thị Ngọc	Trang		01-04-2000	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	27/60		Không đạt		
11	TTGS6065	Phạm Thị Thảo	Trinh		18-10-1994	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	38/60	14/30	Không đạt		
12	TTGS6045	Nguyễn Quốc	Chính	20-12-1994		CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
13	TTGS6046	Võ Thị	Cương		01-01-1997	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
14	TTGS6048	Nguyễn Thị Thúy	Diễm		27-11-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
15	TTGS6049	Hoàng Thị Thu	Hằng		07-12-1992	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng	Dân tộc Nùng	
16	TTGS6053	Trần Nguyễn Ánh	Minh		04-10-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
17	TTGS6054	Doãn Thị Hà	My		19-09-2001	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
18	TTGS6056	Nguyễn Phương	Nhi		26-10-1993	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
19	TTGS6057	Hồ Thị	Niên		23-10-1990	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
							Kiến thức chung	Tiếng Anh			
20	TTGS6059	Nguyễn Thị Kim Phương		27-02-1989	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
21	TTGS6060	Võ Thị Tâm		30-03-1996	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
22	TTGS6064	Ngô Thị Nhật Trinh		26-05-1994	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
23	TTGS6067	Võ Thị Hồng Vỹ		08-03-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
24	TTGS6068	Huỳnh Trần Thị Thanh Yên		05-04-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Nam			Vắng		
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ: 02 chỉ tiêu CV hoạch định & TTCSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH											
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 13h00 buổi chiều ngày 20/01/2024											
1	CSTT6013	Phan Văn Chương	11-09-1993		CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	36/60	20/30	Đạt		
2	CSTT6016	Võ Hạ Bảo Đan		27-6-1992	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	35/60	17/30	Đạt		
3	CSTT6020	Trần Thị Liên		13-04-1998	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	34/60	15/30	Đạt		
4	CSTT6022	Nguyễn Huyền Nga		25-06-1993	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	42/60	29/30	Đạt		
5	CSTT6023	Lê Tịnh Ngân		01-4-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	38/60	24/30	Đạt		
6	CSTT6024	Đặng Thị Bảo Ngân		27-04-2001	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	31/60	19/30	Đạt		
7	CSTT6025	Tôn Nữ Thảo Nguyên		14-04-1999	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	42/60	26/30	Đạt		
8	CSTT6027	Trần Thị Thảo Nhi		12-12-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	43/60	19/30	Đạt		
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 15h00 buổi chiều ngày 20/01/2024											
9	CSTT6029	Lê Minh Tú Phương		12-04-1997	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	43/60	25/30	Đạt		
10	CSTT6030	Nguyễn Thanh Thủy Vân		11-3-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	46/60	26/30	Đạt		
11	CSTT6031	Lê Thị Thu		13-5-1995	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	36/60	23/30	Đạt		
12	TTGS6070	Lê Xuân Tuấn Anh	13-01-1993		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	31/60	16/30	Đạt		
13	TTGS6072	Lê Thị Ánh Dương		24-01-1996	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	37/60	22/30	Đạt		
14	TTGS6077	Hoàng Bá Hiên	22-09-1991		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	32/60	19/30	Đạt		
15	TTGS6079	Lê Thanh Việt Hùng	29-08-1990		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	34/60	22/30	Đạt		
16	TTGS6087	Hà Nguyên Minh Tuấn	22-06-2000		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	44/60	24/30	Đạt		
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2											
17	CSTT6012	Nguyễn Thị Cẩm Châu		01-01-2000	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	30/60	14/30	Không đạt		
18	CSTT6014	Nguyễn Thị Mỹ Dung		01-10-1995	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	37/60	14/30	Không đạt		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
							Kiến thức chung	Tiếng Anh			
19	CSTT6018	Lê Cảnh Tường Hân		29-10-1984	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	38/60	13/30	Không đạt		
20	CSTT6021	Nguyễn Ngọc Nhật Minh	27-03-2001		CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	25/60	23/30	Không đạt		
21	CSTT6026	Nguyễn Minh Nhã		22-10-1999	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế	24/60	19/30	Không đạt		
22	TTGS6069	Huỳnh Thu An		01-12-1999	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	14/60		Không đạt		
23	TTGS6071	Nguyễn Thị Dung		05-11-1990	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	34/60	10/30	Không đạt		
24	TTGS6081	Đặng Văn Minh	12-03-1999		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế	31/60	14/30	Không đạt		
25	CSTT6015	Phan Thị Thùy Dung		08-03-1989	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế			Vắng	Con thương binh	
26	CSTT6017	Trương Thị Hồng Hạnh		23-3-2001	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
27	CSTT6019	Hồ Thị Mẫn Hiền		30-11-1994	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
28	CSTT6028	Trần Thị Quỳnh Như		02-01-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
29	CSTT6032	Phạm Huyền Trang		10-8-1995	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
30	TTGS6073	Lê Anh Đức	21-3-1983		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
31	TTGS6074	Nguyễn Khánh Hà		10-06-2000	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
32	TTGS6075	Trần Thị Hoài		12-02-2000	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
33	TTGS6076	Đoàn Đức Hùng	26-04-1996		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng	CAND xuất ngũ	
34	TTGS6078	Nguyễn Ngọc Hiếu	20-11-1993		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
35	TTGS6080	Trần Thị Kiều Oanh		20-01-1993	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
36	TTGS6082	Trương Thành Nam	19-7-1994		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
37	TTGS6083	Nguyễn Hữu Quý	03-11-1993		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
38	TTGS6084	Hồ Văn Tài	26-11-1998		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
39	TTGS6085	Hà Thị Thùy Tâm		15-10-1995	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
40	TTGS6086	Văn Viết Thái	01-01-1997		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		
41	TTGS6088	Nguyễn Huyền Trang		30-04-1986	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế			Vắng		